ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

Bài 1 · tr. 01 Nặng hơn và nhẹ hơn

Mục tiêu So sánh nặng hơn, nhẹ hơn bằng vật và cân.

Ví dụ Cân một túi A và túi B: nếu đĩa A thấp hơn thì A nặng hơn B và B nhẹ hơn A.

Cân hai đĩa có trạng thái không tải cân bằng, hai túi đồ nhẹ an toàn.

Dùng cân để kiểm thay vì chỉ nhìn vật to hay nhỏ.

Với cân đĩa bình thường, bên thấp hơn chứa vật nặng hơn; cân thăng bằng cho hai bên nặng bằng nhau.

Câu 1 · tr. 01 Có dự đoán trước kiểm, kết luận theo trạng thái cân thật; không ấn định túi lớn hơn luôn nặng hơn.

Câu 2 · tr. 01 Nói đúng hai chiều theo cân thật; nếu cân bằng thì nói nặng bằng nhau, không ép có bên nặng hơn.

Câu 3 · tr. 01 Khối lượng tương đối của cùng hai vật không đổi vì đổi chỗ; phía cân thấp sẽ đổi theo vật nặng.

Câu 4 · tr. 01 Đối chiếu đồ thật: có thể hộp to rỗng nhẹ hơn túi nhỏ nặng. Không buộc kết quả nếu vật chuẩn bị khác.

Không gán nặng hơn từ kích thước, màu hoặc tên vật.

Chỉ dùng đồ vừa sức, tránh nhấc vật nặng để so.

Bài 2 · tr. 02 Ki-lô-gam và cách ghi số đo

Mục tiêu Nhận biết kg và đọc, viết số đo khối lượng đến 1000 kg.

Quả cân chuẩn 1 kg hoặc gói có nhãn 1 kg; thẻ số đo.

Ki-lô-gam là đơn vị đo khối lượng, viết kg.

Nhận biết số đo lớn bằng đọc thẻ; không cần tự nâng hay cân vật 1000 kg.

Câu 1 · tr. 02 Một ki-lô-gam; kí hiệu kg. Phân biệt số 1 với tên đơn vị.

Câu 2 · tr. 02 Năm; hai mươi tám; một trăm linh/lẻ năm ki-lô-gam; chỉ đúng số và kg.

Câu 3 · tr. 02 200 kg; 930 kg.

Câu 4 · tr. 02 1000 kg; đang đọc, viết thông tin số đo chứ không yêu cầu nâng vật.

Không thêm g, tấn hoặc phép đổi chưa học.

Dụng cụ có đơn vị g không được coi nhầm là kg chỉ vì có một số.

Bài 3 · tr. 03 Dùng cân và đọc số đo

Cân đĩa và quả cân hoặc cân điện tử có chế độ kg; vật nhẹ phù hợp.

Kiểm cân về 0 hoặc cân hai đĩa cân bằng khi chưa đặt vật.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Cân đĩa thăng bằng: cộng các số kg trên quả cân. Với cân điện tử, đọc số cùng đơn vị đang hiện.

Câu 1 · tr. 03 1 + 2 = 3; túi A nặng 3 kg.

Câu 2 · tr. 04 2 + 2 = 4; hộp C nặng 4 kg.

Câu 3 · tr. 04 2 + 2 + 1 = 5; túi B nặng 5 kg.

Câu 4 · tr. 04 Kết quả theo cân thật; thực hiện đủ đặt cân ổn định, kiểm 0, đặt vật, đọc số và đơn vị. Nếu chưa đọc được phần lẻ, chọn vật/dụng cụ hiện số nguyên kg phù hợp.

Trong hình cân, số trên từng quả là dữ kiện, tổng khối lượng cần trẻ tìm.

Không dùng hình cân mất cân bằng để kết luận khối lượng bằng tổng quả cân.

Bài 4 · tr. 05 Tính với số đo ki-lô-gam

Giấy và thẻ tình huống.

Chọn phép tính theo chuyện, giữ kg ở câu trả lời.

Kiểm xem kết quả có hợp lý với việc gộp thêm hoặc lấy bớt.

Câu 1 · tr. 05 20 + 15 = 35; 35 kg.

Câu 2 · tr. 05 18 − 6 = 12; còn 12 kg.

Câu 3 · tr. 05 32 − 5 = 27; B nặng 27 kg.

Câu 4 · tr. 05 200 + 100 = 300; có 300 kg.

Không yêu cầu trẻ di chuyển các bao nặng trong chuyện tập.

Đáp số cần đơn vị kg; không đổi sang đơn vị khác.

Bài 5 · tr. 05 Ước lượng rồi kiểm bằng cân

Một vật mốc 1 kg, hai vật nhẹ khác, cân phù hợp.

Nói hoặc ghi dự đoán trước khi nhìn kết quả cân.

So kết quả cân với dự đoán, giữ cả hai để biết mình ước lượng thế nào.

Câu 1 · tr. 06 Có dự đoán trước và kết luận theo cân; không có đáp số chung cho mọi vật.

Câu 2 · tr. 06 Hai thông tin tách riêng: ước lượng và số cân; không sửa dự đoán cho giống kết quả.

Câu 3 · tr. 06 So theo số cân thực; không dùng kích thước làm chứng cứ duy nhất.

Câu 4 · tr. 06 Có cách dùng mốc hợp lý và kiểm bằng cân; chấp nhận dự đoán chưa sát, không đặt ngưỡng sai số mới.

Ước lượng là làm quen, không phải đoán trúng số bí mật.

Nếu cân hiện số thập phân, người lớn chọn dụng cụ hoặc vật dễ đọc số nguyên; chưa thêm kiến thức số thập phân.